

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 238/2024/DS-PT

Ngày: 30-5-2024

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

• Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang

Các Thẩm phán: Ông Trần Thanh Tòng.

Bà Dương Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Thoa, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 124/2024/TLPT-DS ngày 24 tháng 4 năm 2024, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2024/DS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2024, của Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 206/2024/QĐ-PT ngày 15 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C; địa chỉ: số A, Phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trương Hoàng S – Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C (vắng mặt)

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Thái D – Phó giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C (văn bản uỷ quyền ngày 29/11/2023) (có mặt);

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1955; địa chỉ: Tổ D, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có mặt);

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị X, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ D, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có mặt)

Người kháng cáo: bà Phan Thị X là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 11 năm 2023 của nguyên đơn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện của nguyên đơn ông Trần Thái D trình bày:

Căn cứ vào số vay vốn số 4800040368 và khế ước nhận nợ 6000004800046927 ngày 09/01/2008 ngày đến hạn 05/01/2013 với số tiền 15.000.00 đồng đã ký giữa Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C (gọi tắt là Ngân hàng) và ông Nguyễn Văn P.

Đến thời điểm hiện tại khoản vay đã quá hạn, sau nhiều lần Ngân hàng hỗ trợ cho gia hạn nợ, vận động thu hồi nợ, hộ vay có điều kiện trả nợ nhưng ông P, bà X không thực hiện trả nợ theo cam kết tại hợp đồng tín dụng được ký kết giữa ông P và Ngân hàng. Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông P và bà X trả số tiền nợ ước tính đến ngày 20/11/2023 như sau: Tổng cộng là : 28.839.000 đồng. Trong đó: Tiền gốc: 15.000.000 đồng, lãi: 13.838.247 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:

Vào năm 2007, vợ chồng ông được hỗ trợ theo Quyết định số: 443/QĐ-UBND, ngày 08/6/2007 của UBND tỉnh T hỗ trợ cho vợ chồng ông số tiền 15.000.000 đồng và 01 ha đất để sản xuất. Năm 2008, vợ chồng ông nhận từ Ngân hàng chính sách số tiền 15.000.000 đồng, ông có điểm chỉ vào giấy giao nhận tiền. Do vợ chồng ông không biết chữ nên không rõ nội dung tờ giấy ông điểm chỉ có nội dung gì. Sau đó, vợ chồng ông nhận 01ha đất ở xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh để sản xuất. Không phải ngẫu nhiên mà ông được hỗ trợ tiền và đất trên, do vợ chồng ông đang đi khiếu kiện về việc bị thu hồi 03 ha đất ở xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh nên Ủy ban mới hỗ trợ như vậy. Ông được Toà án cho xem sổ vay vốn mà Ngân hàng cung cấp thì đây không phải là chữ viết, ký, dấu vân tay của vợ chồng ông. Ông không

yêu cầu giám định chữ viết, ký, dấu vân tay. Thực tế, vợ chồng ông có nhận 15.000.000 đồng từ Ngân hàng nhưng đây là tiền hỗ trợ chứ không phải tiền vay vốn. Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả số tiền gốc 15.000.000 đồng và tiền lãi là 13.838.247 đồng, ông sẽ trả số tiền trên với điều kiện Nhà nước giải quyết thỏa đáng việc vợ chồng ông bị thu hồi 03 ha đất ở xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị X trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn Văn P, thống nhất theo lời trình bày của ông P, không trình bày ý kiến bổ sung.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2024/DS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C đối với ông Nguyễn Văn P và bà Phan Thị X.

Buộc ông Nguyễn Văn P, bà Phan Thị X có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C số tiền 28.840.142 đồng. Trong đó, tiền vay gốc 15.000.000 đồng, tiền lãi là 13.840.142 đồng.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/3/2024, bà Phan Thị X kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, bà Phan Thị X giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Căn cứ vào chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo bà X, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Phan Thị X trong thời hạn luật định nên chấp nhận xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Phan Thị X:

Ông Nguyễn Văn P và bà Phan Thị X thừa nhận ngày 09/01/2008 có nhận số tiền 15.000.000 đồng từ Ngân hàng chính sách xã hội huyện C nhưng ông bà cho rằng đây là số tiền hỗ trợ cho gia đình ông bà chứ không phải tiền vay. Ông P, bà X đồng ý trả số tiền trên với điều kiện Nhà nước giải quyết thỏa đáng việc vợ chồng ông bị thu hồi 03 ha đất ở xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Bà X kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ vào hồ sơ vay vốn và kế ước nhận nợ ngày 09/01/2008 thể hiện ông P và bà X vay số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 05/01/2013, khi đến hạn trả nợ ông P không trả nợ và có đề nghị ngân hàng cho gia hạn nợ. Tính đến ngày 14/03/2024 ông P, bà X còn nợ lại tiền vốn là 15.000.000 đồng và tiền lãi là 13.840.142 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm buộc ông P và bà X có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là có căn cứ.

[3] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà X là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà X, ông P là người cao tuổi nên được miễn.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà X không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định nhưng bà X là người cao tuổi nên được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị X, giữ nguyên bản án sơ thẩm:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C đối với ông Nguyễn Văn P và bà Phan Thị X.

Buộc ông Nguyễn Văn P, bà Phan Thị X có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C số tiền 28.840.142 đồng. Trong đó, tiền vay gốc 15.000.000 đồng, tiền lãi là 13.840.142 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của bản án sơ thẩm, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo hợp đồng vay vốn số 4800040368 và khế ước nhận nợ 6000004800046927 ngày 09/01/2008.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà X, ông P là người cao tuổi nên được miễn.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: bà X là người cao tuổi nên được miễn.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.